

Quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đặc trưng mục tiêu và đặc trưng phương thức của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Lại Quốc Khánh*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 25 tháng 10 năm 2008

Tóm tắt. Bài viết nghiên cứu quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đặc trưng mục tiêu: “không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân” với các đặc trưng phương thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và con người của chủ nghĩa xã hội và khẳng định: theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “đặc trưng mục tiêu và đặc trưng phương thức tác động qua lại một cách biện chứng, trong đó đặc trưng mục tiêu là *cái quyết định*, còn đặc trưng phương thức là *cái bị quyết định*”. Tiêu chuẩn lựa chọn và đánh giá hiệu quả của phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là ở chỗ, phương thức ấy có mang lại cho nhân dân đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao hay không. Với quan điểm như trên, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mang tính uyển chuyển, linh hoạt và tạo điều kiện cho sự phát huy tính sáng tạo trong tư duy về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Năm 1956, Hồ Chí Minh đã nêu lên hai vấn đề lớn về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: “... muốn biết ta tiến lên chủ nghĩa xã hội như thế nào thì trước hết ... phải biết chủ nghĩa xã hội là gì đã chứ!”[1, tr.225]. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giải quyết vấn đề “chủ nghĩa xã hội (ở Việt Nam) là gì” là để định hướng cho việc “tiến lên chủ nghĩa xã hội (ở Việt Nam) như thế nào”, và giải quyết vấn đề “chủ nghĩa xã hội là gì” chính là xác định các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội là một công việc cần thiết trong bối cảnh chúng ta đang đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Từ 1953 trở đi, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều luận điểm bàn về vấn đề “chủ nghĩa xã hội là gì”. Thông qua nghiên cứu các luận điểm này, ta có thể thấy ra quan điểm của Người về các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (1953), Hồ Chí Minh đã giới thiệu quan niệm chung về các đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa xã hội, vốn được xác lập trên cơ sở tình hình thực tế của Liên Xô. Sau *Thường thức chính trị*, Hồ Chí Minh tiếp tục đề cập đến các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội trong nhiều tác phẩm khác của Người⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Chẳng hạn, xem tác các trang 226, 338, 374, 386, 395, 396, v.v., trong TLTK số 1; các trang 131, 175, 176, 282, 295, 324, 476, v.v., trong TLTK số 3; các trang 31, 72, 75, 159, 167, 258, 266, 271, 312, 461, v.v., trong TLTK số 2.

*ĐT: 84-914871733.

E-mail: khanhqlq@vnu.edu.vn

Khái quát các luận điểm của Hồ Chí Minh, có thể thấy trong tư tưởng của Người, chủ nghĩa xã hội có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất là *đặc trưng về kinh tế*. Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội có trình độ phát triển cao về kinh tế, nền sản xuất phát triển, năng suất lao động cao, có cơ cấu kinh tế cân đối. Chủ nghĩa xã hội có lực lượng sản xuất phát triển, đưa những thành tựu của khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Chủ nghĩa xã hội có quan hệ sản xuất mang tính xã hội hoá, xoá bỏ chế độ tư hữu tư liệu sản xuất, người lao động trực tiếp tham gia tổ chức quá trình sản xuất và áp dụng nguyên tắc phân phối theo lao động.

Thứ hai là *đặc trưng về chính trị*. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội phát triển cao về dân chủ. Nhân dân thực sự là chủ thể của toàn bộ đời sống xã hội. Đảng và Nhà nước phải tạo điều kiện để thực hành dân chủ rộng rãi, để phát huy quyền và trách nhiệm làm chủ của người dân, để người dân thực sự tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Thứ ba là *đặc trưng về văn hoá, đạo đức*. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ phát triển cao về văn hoá và đạo đức. Nền văn hoá, đạo đức mới vừa kết thừa, phát huy các truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu đồng thời có những đóng góp tích cực cho kho tàng giá trị đạo đức, văn hoá của nhân loại. Văn hoá, đạo đức thực sự bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, từ thực tiễn lao động, sản xuất, chiến đấu của quần chúng nhân dân, đồng thời dẫn dắt, “soi đường cho quốc dân đi”. Văn hoá, đạo đức thấm sâu vào các quan hệ xã hội, hình thành nên quan hệ mới, tốt đẹp, giữa con người với con người. Các giá trị văn hoá, đạo đức được sáng tạo ra thực sự do và vì “lẽ sinh tồn cũng như nhu cầu của cuộc sống”.

Thứ tư là *đặc trưng về xã hội*. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội công bằng, bình đẳng, hợp lý. Mọi thành viên (cá nhân, giai tầng, vùng miền, dân tộc, tôn giáo, v.v..) của xã hội đều có quyền và được tạo điều kiện để hưởng thụ sự công bằng, bình đẳng về cơ hội phát triển, về đóng góp và hưởng thụ.

Thứ năm là *đặc trưng về chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội*. Chế độ xã hội chủ nghĩa là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Giới nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam nói chung đều thừa nhận trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chế độ xã hội chủ nghĩa có *năm đặc trưng cơ bản* trên. Bốn đặc trưng đầu là đặc trưng của bốn lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Đặc trưng thứ năm nhấn mạnh yếu tố con người với tư cách là chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc trưng thứ năm là một trong những điểm nhấn quan trọng của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh nói rằng: “Đảng và Nhà nước ta dùng lực lượng của nhân dân để xây dựng cho nhân dân một đời sống ngày càng sung sướng. Đó là chủ nghĩa xã hội” [2, tr.586]. Ở đây, “chủ nghĩa xã hội” không phải chỉ được hiểu là “đời sống ngày càng sung sướng”, mà là *toàn bộ quá trình* Đảng và Nhà nước dùng lực lượng của nhân dân để xây dựng cho nhân dân đời sống ngày càng sung sướng ấy. Điều đó cũng có nghĩa là khi nhân dân ý thức được sự cần thiết và bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì bản thân *hành động* nhận thức và thực tiễn đó *chính là* chủ nghĩa xã hội. Theo nghĩa ấy, chủ nghĩa xã hội được hiểu như một “phong trào hiện thực” - theo cách nói của C. Mác.

Tuy nhiên, nghiên cứu các luận điểm của Hồ Chí Minh bàn về chủ nghĩa xã hội, ta thấy Người còn đề cập đến một *đặc trưng thứ sáu*, mang tính tổng quát. Đó là đặc trưng về *mục tiêu* của chủ nghĩa xã hội. Đặc trưng thứ sáu này được Hồ Chí Minh phát biểu trong *rất nhiều* luận điểm, và nhất quán, xuyên suốt trong tư tưởng của Người. Chẳng hạn luận điểm sau đây: “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động” [2, tr.271]. “Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân” là một đặc trưng quan trọng, thậm chí còn được Hồ Chí Minh coi là *quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa*: “Quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa cơ bản là thoả mãn những nhu cầu vật chất và văn hoá

ngày càng cao của nhân dân lao động, trái ngược hẳn với nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, một nền kinh tế dựa vào bóc lột giai cấp công nhân ngày càng nặng nề, sự bần cùng hoá quần chúng lao động và sự cướp bóc các dân tộc bị nô dịch”[2, tr.559-560].

Nét *đặc sắc* trong tư duy của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chỉ thể hiện ở việc Người nêu lên và nhấn mạnh đặc trưng thứ sáu này, mà điều quan trọng hơn, đó là Người đã đặc biệt nhấn mạnh đến *mối quan hệ* giữa đặc trưng thứ sáu này với các đặc trưng khác của chủ nghĩa xã hội.

Để làm sáng tỏ quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ ấy, cần phải chú ý đến cách lập luận, đến logic tư tưởng của Hồ Chí Minh. Logic đó như sau:

Mục tiêu cao nhất trong xây dựng chế độ xã hội mới mà cách mạng Việt Nam hướng tới là “không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”.

Để thực hiện mục tiêu ấy, *phương thức* là phát triển sản xuất, là “tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm”. Hồ Chí Minh nói: “Nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của chúng ta hiện nay là phát triển sản xuất, để nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người để sản xuất. Sản xuất là mặt trận chính của chúng ta hiện nay ở miền Bắc”[2, tr.312].

Để phát triển sản xuất cần nhiều điều kiện, chẳng hạn như phải *kế hoạch hóa kinh tế* [3, tr.2]; Phải *tăng cường đoàn kết và phát huy tinh thần làm chủ* của toàn thể nhân dân trong xây dựng chế độ xã hội mới: “Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, mọi người cần có tinh thần làm chủ tốt, phải đề cao tinh thần trách nhiệm”[3, tr.340]; Phải *nâng cao trình độ văn hóa* của nhân dân: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tăng gia sản xuất. Muốn tăng gia sản xuất tốt thì phải có kỹ thuật cải tiến. Muốn sử dụng tốt kỹ thuật thì phải có văn hoá. Vì vậy công việc bổ túc văn hoá là cực kỳ cần thiết”[3, tr.577]; Phải *giải phóng phụ nữ*. “*Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ*

nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”[3, tr.523]; Phải *cải tiến kỹ thuật*: “Cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hoá của nhân dân”[3, tr.586]; v.v.. Tuy nhiên, điều kiện quan trọng bậc nhất mà Hồ Chí Minh tập trung bàn luận, đó là vấn đề *cải tạo quan hệ sản xuất*.

Cải tạo quan hệ sản xuất bao gồm cải tạo quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất và quan hệ tổ chức sản xuất.

Trước hết là về cải tạo *quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất*. Trong nông nghiệp, cải tạo quan hệ sở hữu ruộng đất được thực hiện thông qua cải cách ruộng đất. Hồ Chí Minh chỉ rõ, một trong những lý do đưa tới cải cách ruộng đất, đó là chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến đã lỗi thời, lạc hậu và kìm hãm sự phát triển của sản xuất: “... địa chủ phong kiến vẫn nắm quyền kinh tế và chính trị ở nông thôn, nông dân vẫn bị áp bức bóc lột và thuế nông nghiệp, dân công, tăng gia sản xuất đều không được như mức đã định”[4, tr. 23-24]. Chính vì thế, “*mục đích của cải cách ruộng đất* là: tiêu diệt chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến”[4, tr. 180]. Như vậy, cải tạo quan hệ sở hữu ruộng đất chính là *do* và *vì* phát triển sản xuất.

Sau cải tạo quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất là cải tạo *quan hệ tổ chức sản xuất*.

Hồ Chí Minh cho rằng, tính tích cực của quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất mới chỉ được thể hiện và phát huy trong cách thức tổ chức sản xuất mới, phù hợp.

Việc chuyển đổi cách thức tổ chức sản xuất cần được tiến hành trong cả hai ngành sản xuất quan trọng là nông nghiệp và công nghiệp - hai ngành có vai trò quan trọng và có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Trong nông nghiệp, Hồ Chí Minh cho rằng: “muốn phát triển nông nghiệp thì trước hết phải xây dựng tốt phong trào đổi công ở khắp mọi nơi và trên cơ sở đó sẽ xây dựng hợp tác xã nông nghiệp từ thấp đến cao”[3, tr.136].

Lập luận của Hồ Chí Minh là: Chúng ta nhất định phải nâng cao dần đời sống của đồng bào nông dân. Nhưng nếu nông dân cứ làm ăn riêng lẻ thì đời sống không thể nâng cao. Muốn nâng cao đời sống thì chỉ có một cách là tổ chức nông dân làm ăn tập thể là tổ chức nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp. Tổ chức hợp tác xã tốt thì mới có thể tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, do đó mà nâng cao dần đời sống vật chất và văn hoá của nông dân và củng cố khối liên minh công nông [3, tr.409].

Như thế có nghĩa là chế độ dân chủ nhân dân đã mang lại cho người nông dân quyền sở hữu tư liệu sản xuất, song chỉ riêng quyền sở hữu tư liệu sản xuất là chưa đủ để nâng cao đời sống của họ. Cần phải thay đổi cách tổ chức sản xuất. Có thay đổi cách tổ chức sản xuất thì tính ưu việt của quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất mới được phát huy, sản xuất mới phát triển, mới nâng cao được đời sống vật chất và tinh thần của nông dân.

Trong công nghiệp, Hồ Chí Minh tập trung vào vấn đề “cải tiến chế độ quản lý”. Theo Hồ Chí Minh, cải tiến chế độ quản lý chính là điều kiện để phát triển sản xuất trong công nghiệp: “Để xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, toàn dân và toàn Đảng phải ra sức phát triển và phát triển mạnh kinh tế của ta. Muốn vậy, thì về công nghiệp, các xí nghiệp của Nhà nước (tức là của toàn dân) cần phải cải tiến chế độ quản lý” [3, tr.230].

Theo Hồ Chí Minh, chế độ quản lý trong xí nghiệp xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng riêng. Từ trước đến nay, cán bộ chỉ làm việc quản lý mà không tham gia lao động, còn công nhân thì chỉ sản xuất mà không tham gia quản lý. Do đó, cán bộ trở nên xa rời công việc thực tế, xa rời quần chúng, sinh ra bệnh chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh. Công nhân thì kém tinh thần trách nhiệm và kỷ luật, không phát huy được sáng kiến. Chế độ quản lý mới sẽ là “*cán bộ tham gia lao động và công nhân tham gia quản lý*” [3, tr.231]. Việc áp dụng chế độ quản lý mới sẽ sửa chữa được những khuyết điểm cũ; công nhân và cán bộ sẽ đoàn kết thành một

khối, mọi người đều là đồng chí với nhau, đều ra sức phấn đấu làm cho xí nghiệp ngày càng tiến lên.

Công nhân tham gia quản lý, tức là công nhân “làm chủ”. Đây là điều hoàn toàn hợp logic trong một chế độ xã hội mà người lao động được tuyên bố “là chủ”. Đó vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của công nhân, đồng thời là một biểu hiện mới của dân chủ trong sản xuất công nghiệp. Hồ Chí Minh tin tưởng rằng: “Công nhân tham gia quản lý sẽ làm cho cơ quan quản lý khỏi kênh cang, bớt giấy tờ bề bộn, bớt chế độ phiền phức, v.v. và sản xuất nhất định sẽ nhiều, nhanh, tốt, rẻ” [3, tr.232]. Lập luận của Hồ Chí Minh là: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Muốn tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm thì phải quản lý tốt. Muốn quản lý tốt thì cán bộ và công nhân phải thông suốt tư tưởng, phải có thái độ làm chủ nước nhà, làm chủ xí nghiệp. Muốn quản lý tốt, phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, phải làm đến nơi đến chốn, làm tốt, vượt khó khăn. Phải thực hiện cán bộ tham gia lao động, công nhân tham gia quản lý [3, tr.261].

Ở đây, Hồ Chí Minh nhấn mạnh mối quan hệ giữa “sản xuất tốt” và “quản lý tốt”: “Phải đẩy mạnh sản xuất. Muốn sản xuất tốt, phải quản lý sản xuất cho tốt. Phải cải tiến quản lý xí nghiệp. Trong khi cải tiến quản lý vẫn phải sản xuất cho tốt, cải tiến quản lý và sản xuất phải đi song song, phải làm gọn, làm tốt công tác cải tiến quản lý” [3, tr.396].

Để phát triển sản xuất, *thực hành dân chủ* là rất quan trọng. Về phía người lao động, phải quan tâm bồi dưỡng *ý thức làm chủ, tâm lý làm chủ* cho người lao động mới. Đã làm chủ thì phải tự lực, lo toan, không trông chờ, không ỷ lại, người xã viên thì coi “hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ”, người lái xe thì “yêu xe như con, quý xăng như máu”, người nông dân thì “quý trâu như bạn”... Hồ Chí Minh cho rằng trước kia, bọn thực dân phong kiến nắm quyền làm chủ, chúng bắt đồng bào ta làm nô lệ. Ngày nay, chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là tất cả đồng bào các dân tộc đều là người chủ nước

nhà. Nhưng “nhân dân đã làm chủ, thì phải làm gì để xứng đáng là người chủ tốt?”[2, tr.326]. Đối với nông dân, “phải nêu cao tinh thần làm chủ: làm chủ xóm làng, làm chủ hợp tác xã, làm chủ đất nước... Làm chủ hợp tác xã là thế nào? Là phải coi công việc của hợp tác xã như công việc của mình, chứ không phải làm sao cũng được”[2, tr.455]. Đối với công nhân, “... mỗi một công nhân, mỗi một cán bộ cần đề cao tinh thần làm chủ, làm chủ nước nhà, làm chủ nông trường. Làm chủ sao cho ra làm chủ, không phải làm chủ là muốn ăn bao nhiêu thì ăn, muốn làm bao nhiêu thì làm”[2, tr.478-479], v.v.. Về phía người quản lý, thực hành dân chủ chính là một yêu cầu quan trọng để phát huy sức mạnh của đơn vị, của tổ chức và của toàn xã hội: “Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà”[3, tr.590]. Trong nông nghiệp, “muốn quản lý tốt hợp tác xã, cán bộ quản trị phải dân chủ, tránh quan liêu mệnh lệnh, làm việc gì cũng cần bàn bạc kỹ với xã viên. Làm việc theo lối mệnh lệnh, quan liêu, không dân chủ thì chắc chắn thất bại”[3, tr.538]. Thực hành dân chủ trong nông nghiệp tức là sao cho trước mọi vấn đề, bất cứ xã viên nào cũng có quyền nêu lên ý kiến của mình, tự do thảo luận, tức là *tham gia vào quá trình ra quyết định*. Có dân chủ thì mới có tự nguyện. Có tự nguyện thì tính tích cực của xã viên mới được phát huy. Chẳng hạn đối với việc xây dựng nội quy hợp tác xã, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “nội quy cần do xã viên bàn bạc dân chủ đề ra và tự nguyện tự giác thi hành”[3, tr.538].

Phát triển văn hóa, đạo đức cũng góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế và xã hội phát triển. Hồ Chí Minh cho thấy rõ sự khác biệt giữa chế độ xã hội mới và chế độ thực dân ở chỗ: Trong chế độ thực dân, nhân dân bị kìm hãm trong vòng ngu muội để dễ bị áp bức, còn trong chế độ xã hội mới, phát triển văn hóa được coi là một trong những mục tiêu hàng đầu: Tính đến

năm 1961, số trường học ở miền Bắc Việt Nam nhiều hơn số trường học ở cả xứ Đông Dương thời thuộc Pháp, ai cũng muốn học và đều được đi học. Chính “văn hoá này nở hiện thời là điều kiện cho nhân dân chúng tôi tiến bộ”[2, tr.392] và “chúng tôi đã đào tạo nhanh chóng các cán bộ cho tất cả các ngành hoạt động; chính vì vậy chúng tôi đã gây dựng được cơ sở để công nghiệp hóa đất nước”[2, tr.393]. Những thành tựu trong xây dựng đời sống mới, văn hoá mới, đạo đức mới đã góp phần quan trọng làm nên những thắng lợi trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đối với văn hoá, đánh giá cao những việc đã làm được, đồng thời Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ trách nhiệm của ngành văn hóa đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc còn rất nặng nề. Người nêu rõ: miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn những tấm gương người thật, việc thật trong phong trào thi đua yêu nước ở miền Bắc và cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam, bằng văn, bằng thơ, bằng vẽ và bằng các nghệ thuật khác, v.v.. “Đó cũng là một trách nhiệm của các cán bộ văn nghệ góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà”[2, tr.561]. Đối với đạo đức, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Khi đã được chủ nghĩa xã hội soi sáng, tư tưởng mọi người đã chuyển biến tốt, thì đạo đức cách mạng và tinh thần tập thể của quần chúng sẽ biến thành một lực lượng vô cùng to lớn”[2, tr.223].

Để phát triển sản xuất, vấn đề *đảm bảo công bằng xã hội* cũng phải được coi trọng. Theo Hồ Chí Minh, công bằng xã hội là một động lực quan trọng để phát huy sức mạnh của mỗi cá nhân trong lao động sản xuất, cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người nói: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”[5, tr.185]; “Muốn xây dựng tổ quốc công, hợp tác xã được tốt phải đoàn kết, phải làm cho mọi người tự nguyện tham gia, phải bàn bạc dân chủ và phải tính toán cho công bằng”[3, tr.133]. Trong bài *Nói chuyện với cán bộ, công nhân nhà máy dệt Nam Định (4-1957)*, Người

nêu lên quan điểm làm khoán tốt là thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay và “chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội”[1, tr.341]. Để đảm bảo công bằng trong phân phối, vai trò đi đầu, làm gương của đội ngũ cán bộ là rất quan trọng: “Sản xuất được nhiều, đồng thời phải chú ý phân phối cho công bằng. Muốn phân phối cho công bằng, cán bộ phải chí công vô tư, thậm chí có khi cán bộ vì lợi ích chung mà phải chịu thiệt một phần nào. Chớ nên cái gì tốt thì giành cho mình, xấu để cho người khác”[3, tr.537].

Như vậy, lập luận của Hồ Chí Minh cho thấy, các đặc trưng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội cũng đều là những mục tiêu cần đạt tới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn cả đó *không phải là những mục tiêu tự thân*. Mục tiêu và thước đo của sự phát triển về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội phải thể hiện ở việc *có nâng cao được đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân hay không*.

Từ những quan điểm trên, có thể thấy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội không được xếp ngang hàng, cùng cấp với nhau. Các đặc trưng ấy có thể được chia thành hai loại: *đặc trưng mục tiêu* và *đặc trưng phương thức*. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đặc trưng mục tiêu và đặc trưng phương thức là một nội dung trong biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đặc trưng mục tiêu là “không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”, là “độc lập, tự do, hạnh phúc”, là “hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật”, là “ai cũng no ấm, sung sướng, tự do; ai cũng thông thái và có đạo đức”, là “dân giàu, nước mạnh”, v.v., còn đặc trưng phương thức là “bảo vệ quyền tư hữu tài sản”, nền kinh tế nhiều thành phần, chấp nhận sự tồn tại giai cấp tư sản và quan hệ còn mang tính bóc lột giữa tư bản và công nhân, v.v.. (trong xây dựng chế độ dân chủ nhân dân), là chế độ công hữu tư liệu sản xuất, không còn giai cấp áp bức bóc lột, v.v.. (trong xây dựng chủ nghĩa xã hội).

Đặc trưng mục tiêu phản ánh nhu cầu và nguyện vọng ngàn đời của quần chúng nhân lao động, là động lực thúc đẩy con người nỗ lực hành động suốt hàng ngàn đời nay để cải tạo hiện thực, tạo dựng một hiện thực mới ngày càng tốt đẹp hơn. Hướng tới và nỗ lực thực hiện đặc trưng mục tiêu nói trên là một quy luật - *quy luật về mặt nhân sinh quan*. Hồ Chí Minh viết: “Chế độ cộng sản là ai cũng no ấm, sung sướng, tự do; ai cũng thông thái và có đạo đức. Đó là một xã hội tốt đẹp về vang. Trừ những bọn phản động quá sá, thì chắc ai cũng tán thành chế độ cộng sản. Hiểu rõ *quy luật* phát triển của xã hội, ra sức đấu tranh để thực hiện chế độ cộng sản tức là *nhân sinh quan* của người cách mạng”[4, tr. 248].

Lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống của con người chính là vì một cuộc sống ngày tốt đẹp hơn. Nếu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thực sự là một chế độ xã hội mà “ai cũng no ấm, sung sướng, tự do; ai cũng thông thái và có đạo đức”, tức là con người thực sự được giải phóng về mặt vật chất, trí tuệ và đạo đức, thì *tất yếu* đó là mục tiêu của nhân loại. Quy luật đó mang *tính phổ quát*: “Trừ những bọn phản động quá sá, thì chắc ai cũng tán thành chế độ cộng sản”. Nhận thức và nỗ lực thực hiện *quy luật* ấy chính là *nhân sinh quan* của người cách mạng.

Đặc trưng phương thức là sự *thể hiện*, đồng thời là sự *hiện thực hóa* đặc trưng mục tiêu. Ở đây, đặc trưng mục tiêu và đặc trưng phương thức tác động qua lại một cách biện chứng, trong đó đặc trưng mục tiêu là *cái quyết định*, còn đặc trưng phương thức là *cái bị quyết định*. Tính quyết định của đặc trưng mục tiêu đối với đặc trưng phương thức thể hiện trên hai phương diện:

Thứ nhất, đặc trưng mục tiêu có vai trò là cơ sở, đồng thời là tiêu chí đánh giá để xác định và lựa chọn đặc trưng phương thức. Chỉ có những phương thức nào thể hiện và hiện thực hóa được đặc trưng mục tiêu thì mới là đặc trưng phương thức *của* mục tiêu ấy. *Lực lượng ưu tú lãnh đạo xã hội phải có đủ trí tuệ và bản lĩnh để tăng cường, hoặc điều chỉnh, thậm chí*

thay đổi các đặc trưng phương thức tùy theo khả năng thể hiện và hiện thực hóa đặc trưng mục tiêu. Rõ ràng là trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng một mục tiêu, song có thể có nhiều phương thức thực hiện, và mục tiêu thì nhất quán, lâu dài, xuyên suốt, không thay đổi, còn phương thức thì có thể và cần phải thay đổi nếu nó không phù hợp, không góp phần thực hiện được mục tiêu. Cách nhìn biện chứng của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa đặc trưng mục tiêu và đặc trưng phương thức làm cho tư tưởng của Người về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trở nên sinh động, đầy sức sống, chứ không giáo điều, không máy móc.

Thứ hai, bản thân nội dung của đặc trưng mục tiêu cũng phát triển lên những cấp độ ngày càng cao hơn, vì thế, nó sẽ là động lực thúc đẩy đặc trưng phương thức biến đổi theo, thúc đẩy xã hội không ngừng phát triển.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc những năm 60 của thế kỷ XX cho thấy, phương thức mà chúng ta áp dụng và kéo dài mãi đến 1986, là không phù hợp, không thực hiện được mục tiêu “không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”. Có thể coi đó là một sai lầm. Sai lầm ấy bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó có những sự chi phối mà ta không thể cưỡng lại được, chẳng hạn như khuynh hướng muốn áp đặt một phương thức duy nhất trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, khuynh hướng đối lập cực đoan giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản và vì thế mà hạn chế sự sáng tạo và khả năng lựa chọn phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội, v.v.. Tuy nhiên, trước một sự nghiệp cách mạng cực kỳ mới mẻ và khó khăn như sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sai lầm cũng là khó tránh khỏi. Bản lĩnh cách mạng và khoa học là kịp thời nhận thức được sai lầm để sửa chữa. Chúng ta đã có được bản lĩnh ấy, và bản lĩnh ấy được đặt vững chắc trên nền tảng biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Bước vào thời kỳ Đổi mới, chúng ta kiên trì mục tiêu đã chọn, song kiên quyết thay đổi phương thức thực hiện, chẳng hạn trong kinh tế đã xoá bỏ thể chế kinh tế kế hoạch hoá tập

trung và thay thế nó bằng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với đa dạng hoá các hình thức sở hữu và thành phần kinh tế. Bản thân sự thay đổi như thế là phù hợp với quan điểm biện chứng của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đặc trưng mục tiêu và đặc trưng phương thức, còn nội dung của sự thay đổi thực chất là sự trở lại thực hiện đúng hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về những phương thức cải tạo và kiến tạo xã hội phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển của xã hội Việt Nam. Biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh đem lại cơ sở cho những thay đổi tích cực trong đường lối và thực tiễn cách mạng, còn thực tiễn cách mạng thì chứng minh tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh, của biện chứng tư tưởng Hồ Chí Minh.

Rõ ràng, quan điểm biện chứng nói trên của Hồ Chí Minh đã được Người xác lập ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX và đã trở thành một quan điểm chủ đạo, xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cải tạo và kiến tạo xã hội. Song không chỉ ở Việt Nam, mà cả trên thế giới, phải đến thập kỷ 70 của thế kỷ XX, khi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hiện thực gặp phải nhiều khó khăn, một số nhà lãnh đạo cộng sản mới đi đến được với quan niệm đúng đắn về mối quan hệ biện chứng giữa đặc trưng mục tiêu và đặc trưng phương thức. Điều đó cho thấy tầm nhìn của Hồ Chí Minh - tầm nhìn được xác lập trên cơ sở vận dụng và phát huy sức mạnh của phép biện chứng duy vật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

Ho Chi Minh's ideas about the relationship between the two characteristics of socialism: objective and mode of performance

Lai Quoc Khanh

*College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

This article examines Ho Chi Minh's ideas about the relationship between the two characteristics of socialism: one is its objective of continuously enhancing the people's material and spiritual life, and the other is its mode of performance in the political, economical, cultural and social spheres. Through this we emphasize that according to Ho Chi Minh, these two characteristics maintain a dialectical interaction in which the objective is the determining factor and the mode of performance is the determined factor. Besides the mode of performance is evaluated by the improvement in the material and spiritual life of the people. Thus Ho Chi Minh's ideas about socialism are very flexible and favorable for the creativity of conceptualization of socialism in Vietnam in the present.